TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày 30-9-2024
"V/v tranh chấp QSDĐ, tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sinh.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 17/9/2024 và ngày 30/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 07/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ú là chị Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Võ Văn C, sinh năm 1959;

2.2 Bà Dương Thị N (vợ ông C), sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là bà Dương Thị N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn N1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Có đơn xin vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1 Anh Lê Văn S, sinh năm 1980;

4.2 Ông Trần Văn H, sinh năm 1948;

4.3 Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964;

4.4 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962;

4.5 Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1966;

4.6 Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971;

4.7 Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4.8 Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

4.9 Bà Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1969.

4.10 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp *(Tất cả người làm chứng vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị O (đại diện cho nguyên đơn) trình bày: Vào năm 2021 chị Nguyễn Thị M (Chị ruột anh Ú) có tặng cho anh Ú phần diện tích đất 712,0m^2 thuộc thửa 3142, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T đến ngày 31/5/2021 anh Ú được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Do anh Ú đi làm ăn xa nên ông C, bà N có cất trại chăn nuôi vịt lấn qua một phần diện tích đất của anh Ú. Qua nhiều lần động viên thì ông C, bà N đồng ý di dời nhưng sau đó lại không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện thì anh Ú yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn C, bà Dương Thị N trả diện tích đất lấn chiếm 18,4m^2 thuộc một phần thửa 3142, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T và tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất.

Nhưng qua xem xét, thẩm định tại chỗ được biết phần diện tích tranh chấp là 21,4m^2 nên anh Ú khởi kiện bổ sung yêu cầu ông C, bà N trả 21,4m^2, tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất và yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất 6,0m^2 thuộc một phần thửa 2799 là của anh Ú để anh Ú đăng ký hợp thửa với thửa 3142 liền kề. Được biết phần đất tranh chấp này chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Ú nhưng phần đất này từ trước đến nay do cha mẹ của anh Ú khai phá sau đó cha mẹ mới cho chị M và sau này chị M cho lại anh Ú. Từ trước đến nay phần đất này đều do gia đình anh Ú quản lý, sử dụng trồng lúa sau này Nhà nước mở đường nên chia cắt làm hai phần nên không làm ruộng được, anh Ú mới đỗ đất định cất nhà nhưng chưa cất thì bà N, ông C thấy đất trống vô cất lấn qua phần đất của anh Ú. Bà N, ông C không phải dân địa phương sinh sống lâu năm mà khi Nhà nước mở cụm dân cư thì bà N, ông C mới về sinh sống trong cụm dân cư gần phần đất tranh chấp.

- *Theo lời trình bày của bà Dương Thị N đồng thời bà N đại diện cho ông Võ Văn C:* Qua yêu cầu của anh Ú thì bà N không đồng ý. Bà N cho rằng phần đất này là của Nhà nước. Nhà nước cần thì bà và ông C trả lại cho Nhà nước, còn trả cho anh Ú là bà N không thống nhất. Từ năm 2016 cho đến nay bà N cất trại trên phần đất tranh chấp nếu nói đất của anh Ú thì tại sao anh Ú không ngăn cản. Còn nếu Tòa án giải quyết là đất của anh Ú thì bà N sẽ tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất tranh chấp, không yêu cầu bồi thường gì cả. Còn nếu là đất của Nhà nước thì bà N, ông C sử dụng khi nào Nhà nước cần thì bà N trả lại.

- *Theo lời trình bày của Ủy ban nhân dân huyện T có trong hồ sơ vụ án:* Quá trình Toà án thụ lý giải quyết, Ủy ban nhân dân Huyện đã cung cấp những thông tin, tài liệu, chứng cứ để phục vụ công tác xét xử, cũng như để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình theo đúng quy định. Đến nay, Ủy ban nhân dân Huyện giữ nguyên những thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Tòa án. Do bận nhiều công việc cơ quan; Ủy ban nhân dân Huyện xin được vắng mặt tất cả các

buổi làm việc; các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên xét xử sơ thẩm, phúc thẩm của Tòa án trong vụ kiện này.

** Ngoài ra trong suốt khoảng thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên Tòa sơ thẩm thì bà N, ông C và chị O (đại diện cho anh Ú) đã thỏa thuận được các nội dung sau:*

1. Đối với phần đất cát mà bà N đã đổ vào phần diện tích tranh chấp 21,4m^2 thì bà N, ông C và anh Ú thống nhất: Để Tòa án giải quyết nếu là đất công của Nhà nước thì để cho Nhà nước, nếu là đất của anh Ú thì anh Ú được toàn quyền sử dụng. Bà N, ông C không yêu cầu bồi thường.

2. Còn giá trị đất tranh chấp và giá trị nhà, vật kiến trúc trên phần diện tích đất tranh chấp thì bà N, ông C và chị O thống nhất thỏa thuận như sau:

- Đối với giá trị đất đang tranh chấp có giá trị chuyển nhượng tại thời điểm thị trường hiện nay là: 600.000 đồng/01m^2.

- Đối với nhà, vật kiến trúc trên đất tranh chấp 21,4m^2 có giá trị tổng cộng là 10.000.000 đồng.

- *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Qua yêu cầu của anh Ú là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Đối tượng tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích 21,4m^2, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án là *"Tranh chấp QSDĐ, tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất"* theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện T là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn Ú yêu cầu bà Dương Thị N, ông Võ Văn C trả lại diện tích 21,4m^2, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào các Công văn cung cấp thông tin:

Công văn số: 288/CNVPĐKĐĐHTH-KTĐC ngày 29/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thông tin:

"Phần diện tích đất tranh chấp 21,4 m² thuộc thửa số 1 theo sơ đồ đo đạc số 21/SĐĐĐ ngày 30/03/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T đối chiếu sang bản đồ 299 thuộc một phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4 theo số mục kê chưa ghi nhận chủ sử dụng đất (chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất)".

Công văn số: 295/UBND-NC ngày 17/7/2024 của UBND huyện T cung cấp thông tin:

"Phần diện tích đất tranh chấp 21,4 m², theo sơ đồ đo đạc số 21/SĐĐĐ ngày 30/03/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T đối chiếu với bản đồ 299 thuộc một phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4 không phải là đất công".

Công văn số: 294/UBND-HC ngày 23/8/2024 của UBND xã T cung cấp thông tin:

"Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra rà soát sổ mục kê đất đai tại UBND xã quản lý hiện tại thửa đất số 2799, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299) diện tích 21,4m^2 chưa ai đăng ký (còn trống)".

Đồng thời, theo các lời khai của những người làm chứng gồm ông Trần Văn H, anh Lê Văn S là những người dân sinh sống tại địa phương lâu năm có phần đất giáp ranh với phần đất tranh chấp hiện nay đều khai nhận: Phần diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ anh Ú khai phá, sử dụng từ trước đến nay còn việc có được cấp giấy chứng nhận QSDĐ hay chưa thì các ông không biết. Còn riêng

đối với bà N, ông C thì không có phần đất nào gần phần đất tranh chấp mà khi Nhà nước mở cụm dân cư thì bà N, ông C mới về sinh sống tại một nền nhà trong cụm. Bà N, ông C thấy đất trống mới ra che mái trại rồi để đó.

Như vậy, qua nội dung cung cấp thông tin nêu trên và lời khai của những người làm chứng thì xác định phần diện tích 21,4 m² tranh chấp không phải là đất công, chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ai nhưng xét nguồn gốc đất thì phần diện tích 21,4m^2 này đã được cha mẹ của anh Ú khai phá, sử dụng lâu năm do đó việc anh Ú yêu cầu bà N, ông C trả lại diện tích 21,4m^2, tháo dỡ nhà vật kiến trúc trên đất là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Công văn số: 365/UBND-NC ngày 16/8/2024 của UBND huyện T cung cấp thông tin:

"Theo khoản 4, Điều 131 Luật đất đai năm 2024 quy định: Nguyên tắc đăng ký đất đai tài sản gắn liền với đất "4. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người được giao đất để quản lý đã kê khai đăng ký được ghi vào hồ sơ địa chính và được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nếu đủ điều kiện theo quy định của Luật này".

Đối chiếu với quy định trên, phần diện tích đất tranh chấp 21,4m², thuộc phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại xã T được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nếu đủ điều kiện theo quy định".

Và Công văn số: 416/UBND-NC ngày 24/9/2024 của UBND huyện T cung cấp thông tin:

"Phần diện tích 21,4m² và diện tích 6,0m² nếu đáp ứng đủ điều kiện theo Điều 220 Luật đất đai năm 2024 quy định tách thửa đất, hợp thửa đất (diện tích này cùng chủ sử dụng, cùng mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất) thì được hợp thửa đất với thửa đất liền kề".

Theo các lời khai của các anh chị em của anh Ú gồm: anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Cẩm D và chị Nguyễn Thị M đều thống nhất phần diện tích đất tranh chấp 21,4m^2 có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn S (chết năm 1992) và bà Bùi Thị N (chết 2018) là cha mẹ của các anh chị khai mở sau đó cha mẹ mới cho chị M và sau này chị M mới cho lại anh Ú, nay cha mẹ đã chết và

phần đất này đã cho anh Ú nên các anh chị thống nhất để anh Ú đăng ký quyền sử dụng đất, các anh chị không tranh chấp, không yêu cầu.

Qua đối chiếu quy định pháp luật và ý kiến của UBND Huyện xét thấy phần diện tích 21,4m^2 là diện tích tranh chấp và diện tích 6,0m^2 là diện tích không tranh chấp nhưng liền kề với diện tích tranh chấp và nằm giữa đất tranh chấp với thửa đất 3142. Trong khi đó thửa đất 3142 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Ú với mục đích sử dụng là lúa và thời hạn sử dụng vẫn còn cho nên anh Ú được đăng ký QSDĐ phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu của anh Ú được Tòa án chấp nhận nên buộc bà Dương Thị N, ông Võ Văn C phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí. Nhưng anh Ú đã tạm ứng xong vì vậy ông C, bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Ú tổng cộng là 4.588.650 đồng theo hóa đơn bán hàng ngày 10/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí:

Buộc bà Dương Thị N, ông Võ Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà N, ông C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Ú không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho anh Ú.

Đối với phần đất cát mà bà N đã đổ vào phần diện tích tranh chấp 21,4m^2 thì bà N, ông C đồng ý để anh Ú được toàn quyền sử dụng, bà N, ông C không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với giá trị đất tranh chấp và giá trị nhà, vật kiến trúc trên phần diện tích đất tranh chấp thì bà N, ông C và chị O thống nhất thỏa thuận như sau:

- Đối với giá trị đất đang tranh chấp có giá trị chuyển nhượng tại thời điểm thị trường hiện nay là: 600.000 đồng/01m^2.

- Đối với nhà, vật kiến trúc trên đất tranh chấp 21,4m^2 có giá trị tổng cộng là 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[5] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Như đã nhận định nêu trên nên xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 và các điều 91, 92, 147, 157, 218, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 17, 137 và 236 Luật đất đai năm 2024; các điều 164 và 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ú.

Buộc bà Dương Thị N, ông Võ Văn C tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên phần diện tích 21,4 m² thuộc một phần thửa 2799 (bản đồ 299), tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để trả lại diện tích 21,4m^2 cho anh Nguyễn Văn Ú, có vị trí tứ cận như sau:

- H giáp diện tích đất 6,0m^2 thuộc thửa 2799 và đất thuộc thửa 3142 có chiều dài 3,60 mét từ mốc M2 đến mốc M3.

- Hướng Tây giáp phần đất thuộc thửa 2799 còn lại (hiện bà N đang quản lý, sử dụng) có chiều dài 3,70 mét từ mốc M1 đến mốc M4.

- Hướng Nam giáp đường nhựa đất công có chiều dài 5,60 mét từ mốc M3 đến mốc M4.

- Hướng Bắc giáp đất ông Tám S2 có chiều dài 6,23 mét từ mốc M1 đến mốc M2.

(Có sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ kèm theo).

Anh Nguyễn Văn Ú được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất diện tích 21,4m^2 và diện tích 6,0m^2 thuộc một phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Dương Thị N, ông Võ Văn C liên đới trả lại cho anh Nguyễn Văn Ú 4.588.650 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị N, ông Võ Văn C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà N, ông C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn Ú không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn Ú tổng số 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0010963 ngày 25 tháng 10 năm 2023 số tiền 300.000 đồng và biên lai thu số 0010235 ngày 17 tháng 9 năm 2024 số tiền 300.000 đồng của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị.

- Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/9/2024). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cư